

Số: 257 /TB-CNTTPTQĐ

Đại Phúc, ngày 18 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc Niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB
Dự án: Khu đô thị số 2, phường Cải Đan (Nay thuộc địa bàn phường Sông
Công, tỉnh Thái Nguyên) (Đất ở – đợt 1)

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở,
Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy
định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ
quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Thủ tướng
Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người
có đất thu hồi;

Căn cứ Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND
tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà
nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của UBND
tỉnh Thái Nguyên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ
trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban
hành kèm theo Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND
tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của UBND
tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ giải quyết việc
làm, hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người có đất thu hồi
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 của UBND
tỉnh Thái Nguyên ban hành Đơn giá quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại
thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn
liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên số 18/2025/QĐ-UBND Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; số 20/2025/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 20/9/2024, ban hành đơn giá bồi thường về thiệt hại cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Quyết định số 46/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về Bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 sửa đổi, bổ sung Quyết định và Quy định về Bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 46/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 3423/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Sông Công;

Căn cứ Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 26/2/2024 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt dự án Khu đô thị số 2 phường Cải Đan, thành phố Sông Công;

Căn cứ Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị số 2, phường Cải Đan;

Căn cứ Thông báo số 198/TB-SNNMT ngày 06/6/2024 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên thông báo giá gạo tẻ thường tháng 6 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Thực hiện Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 25/3/2024 của UBND thành phố Sông Công Về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm dự án: Khu đô thị số 2, phường Cải Đan, thành phố Sông Công;

Thực hiện nội dung Thông báo số 85/TB-UBND ngày 25/3/2024 của UBND thành phố Sông Công thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị số 2, phường Cải Đan, thành phố Sông Công;

Thực hiện nội dung Thông báo số 262/TB-UBND ngày 30/7/2024 của UBND thành phố Sông Công về việc điều chỉnh một số nội dung tại Thông báo số 85/TB-UBND ngày 25/3/2024 của UBND thành phố Sông Công;

Thực hiện nội dung Thông báo số 423/TB-UBND ngày 29/11/2024 về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Thông báo số 85/TB-UBND ngày



25/3/2024 và Thông báo số 262/TB-UBND ngày 30/7/2024 của UBND thành phố Sông Công;

Căn cứ hồ sơ thống kê, kiểm đếm và các giấy tờ pháp lý liên quan;

Sau khi lập xong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai 2024, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu đô thị số 2, phường Cải Đan (Nay thuộc địa bàn phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên) (Đất ở - đợt 1), cụ thể như sau:

I. Nội dung niêm yết:

Toàn bộ dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB trước khi trình thẩm định, phê duyệt của 09 hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án Khu đô thị số 2, phường Cải Đan (Nay thuộc địa bàn phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên) (Đất ở - đợt 1), cụ thể như sau:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Tổng diện tích đất thu hồi:

Tổng diện tích đất thu hồi 3.334,3 m² của 09 hộ gia đình, cá nhân.

- Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại:	15.004.504.300 đồng;
- Bồi thường, hỗ trợ tài sản:	3.181.011.440 đồng;
- Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo:	79.354.800 đồng;
- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:	426.699.000 đồng;
- Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản:	67.720.000 đồng;
- Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh:	20.319.000 đồng;
- Thuởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn:	190.159.500 đồng;

Trong đó:

- Đất ở tại nông thôn (ONT): 1.302,4 m²
- Đất trồng cây lâu năm (CLN): 2.031,9 m²

b) Tổng dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng: **18.969.768.040 đồng** (Bằng chữ: Mười tám tỷ, chín trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm bốn mươi đồng)

Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước

c) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Hiện nay, trong phạm vi thực hiện dự án không có hộ gia đình, cá nhân nào có nhu cầu đăng ký hình thức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Phương án bố trí tái định cư:

Bố trí tái định cư theo lô quy hoạch được phê duyệt. Việc giao đất ở tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân căn cứ theo quy định và thực tế quỹ đất tái định cư của dự án trên địa bàn phường; được xác định theo hình thức bốc thăm vị trí sắp xếp lô đất tái định cư.

Suất tái định cư tối thiểu thuộc địa bàn phường quy định tại Điều 8, Quyết định 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên là 80m².

đ) Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản: Được lập chi tiết tại Mục 2 Phần I văn bản này.

e) Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

g) Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

h) Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Thực hiện phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt và tổ chức chi trả, nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi UBND phường Sông Công phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

Thời gian bàn giao đất cho Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II theo khoản 2 Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

i) Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không có.

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ GPMB gồm:

2.1. Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất (Bảng tổng hợp được tổng hợp từ 04 phương án chi tiết dưới đây).

2.1.1. Phương án chi tiết về bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, bồi thường cây hàng năm, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn;

2.1.2. Phương án chi tiết về hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất;

2.1.3.1. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ nhà, nhà ở, công trình khi nhà nước thu hồi đất (nếu có);

2.1.3.2. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất (nếu có);

2.1.4. Phương án chi tiết về hỗ trợ thuê nhà, địa điểm kinh doanh, hỗ trợ gia đình chính sách.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)



II. Địa điểm niêm yết:

Tại Trung tâm phục vụ hành chính công phường Sông Công và tại nhà văn hóa TDP Xuân Miếu 1, TDP 12 phường Sông Công.

III. Thời gian niêm yết: Từ ngày 18/11/2025 đến hết ngày 17/12/2025.

IV. Người có ý kiến góp ý, kiến nghị về phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB: Thì gửi phiếu đóng góp ý kiến về dự thảo phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II (Có mẫu Phiếu đóng góp ý kiến gửi kèm Thông báo này).

V. Thời gian tiếp nhận ý góp ý, kiến nghị: Từ ngày 18/11/2025 đến hết ngày 17/12/2025.

VI. Tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II kính mời các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham dự hội nghị lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo giấy mời cụ thể của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II sau thời gian kết thúc niêm yết.

Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không tham gia họp trực tiếp có lý do chính đáng thì gửi Phiếu đóng góp ý kiến trực tiếp đến Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II.

Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nộp Phiếu đóng góp ý kiến gửi kèm Thông báo này được coi là đồng ý với dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II thông báo để UBND, Ủy ban MTTQ phường Sông Công; các tổ dân phố Xuân Miếu 1, tổ dân phố Xuân Miếu 2, tổ dân phố 12 phường Sông Công; các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án và các đối tượng liên quan biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND phường Sông Công;
- Ủy ban MTTQ phường Sông Công;
- TDP Xuân Miếu 1, TDP Xuân Miếu 2, TDP 12 phường Sông Công;
- Các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi theo Mục 2 Phần I Thông báo này;
- Lưu: VT, CNTTPTQ, Trangdth (16b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

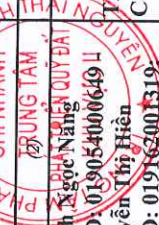


Nguyễn Thế Anh

TỈNH THÁI NGUYÊN

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC BỎI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ SỐ 2, PHƯỜNG CÁI ĐAN (NAY THUỘC ĐỊA BÀN PHƯỜNG SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN) (ĐỢT Ồ - ĐỢT 1)
(Kèm theo Thông báo số 257 /TB-CNTTPTQĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, Số điện thoại)	Địa chỉ thường trú	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích GCN (m ²)	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Vị trí	Tài sản gắn liền với đất	Ghi chú (Ghi pháp lý, nguồn gốc đất và các nội dung khác)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Đỗ Trọng Tuấn (SDD: 0190 9300 5720; SDT: 0965 345 876)	TDP Đông Tiến, phường Bách Quang	640 (49)	35(6) (49-IV)	162,4	162,4	162,4	ODT	1		
2	Nguyễn Văn Hải (SDD: 0190 9300 3482; SDT: 0357 889 938)	TDP Đông Tiến, phường Bách Quang	640 (49)	35(6) (49-IV)	112,4	112,4	112,4	CLN	1	cây cối	Có GCNQSD đất mang tên Dương Văn Chuẩn. Đã có HD chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Tuấn năm 2023
3	Lê Thị Hà (SDD: 0191 7800 1710; SDT: 0985 845 170) - Ngô Minh Phương	TDP Xuân Miếu 2, phường Sông Công	631 (49)	35(6) (49-IV)	155,2	174,0	174,0	CLN	1	cây cối	Có GCNQSD đất mang tên Dương Văn Chuẩn. Đã có HD chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Tuấn năm 2023
4	Đình Thế Tâm (SDD:)	TDP Xuân Miếu 1, phường Sông Công	375	35(6)	80,0	87,8	80,0	ODT	1	nhà cửa	Có GCNQSD đất (thu hồi hết thửa)
5	Nguyễn Thị Nguyên (Người được ủy quyền theo quy định của pháp luật của Phạm Thị Nguyễn Bình) (SDD: 0191 6400 1398)	TDP 12, phường Sông Công	364	35(6)	80,0	88,0	80,0	ODT	1	nhà cửa	Có GCNQSD đất (thu hồi hết thửa)
			358	35(6)	80,0	89,4	11,4	ODT	1	nhà cửa	Có GCNQSD đất.

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại) 	Địa chỉ thường trú	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích GCN (m ²)	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Vị trí	Tài sản gắn liền với đất	Ghi chú (Ghi pháp lý, nguồn gốc đất và các nội dung khác)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
6	Trịnh Ngọc Năng (SDD: 01905400649) Nguyễn Thị Hiền (SDD: 019162001319, SĐT: 0358232896)	TDP 12, phường Sông Công	357 (89) 357 (89)	35(6) (63-I) 35(6) (63-I)	400,0 400,0	1.169,9 400,0	686,0 400,0	ODT ODT	1 1	nhà cửa cây cối	Có GCN QSD đất được cấp năm 1991 Có GCN QSD đất được cấp năm 1991
7	Trịnh Xuân Sơn (người quản lý di sản chưa được phân chia thừa kế) (SDD: 019072014404)	TDP Xuân Miếu 1, phường Cải Đan			1.754,0	1.909,5	1.909,5				
8	Đình Quang Bình (SDD: 019057000852; SĐT: 0382728655) - Dương Thị An	TDP 12, phường Sông Công	340 (87) 340 (87) 315 (88)	35(6) (63-I) 35(6) (63-I) 35(6) (63-I)	450,0 888,0 416,0	450,0 902,6 556,9	450,0 902,6 556,9	ODT CLN CLN	1 1 1		Có GCN QSD đất mang tên ông Trịnh Xuân Đoàn (thu hồi hết thửa) Có GCN QSD đất mang tên ông Trịnh Xuân Đoàn (thu hồi hết thửa) Có GCN QSD đất mang tên ông Trịnh Xuân Đoàn (thu hồi hết thửa)
9	Dương Quang Thiện	TDP An Châu, phường Bá Xuyên	362 371 372	35(6)	80,0 160,0 80,0 80,0	86,5 172,3 85,7 86,6	80,0 101,0 21,0 80,0	ODT ODT ODT ODT	1 1 1 1		Có GCNQSD đất (thu hồi hết thửa) Có GCNQSD đất Có GCNQSD đất (thu hồi hết thửa)
TỔNG CỘNG					3.001,6	3.989,8	3.334,3				

2.1. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHÍ NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
ĐUẬN: KHU ĐÔ THỊ SỐ 2, PHƯỜNG CÁI ĐAN (NAY THUỘC ĐỊA BÀN PHƯỜNG SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN) (ĐỢT 1 - ĐỢT 1)
 Kèm theo Thông báo số 27/TB-CNTIPTQĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

ĐVT: đồng

STT	Tên chủ sở hữu (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường, hỗ trợ tài sản		Các khoản hỗ trợ, thưởng khi Nhà nước thu hồi đất						Tổng Cộng	
					Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi	Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh		Thưởng BGMB trước thời hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15) = (5) + (6) + ... + (14)
1	Đỗ Trọng Tuấn (SDD: 0190 9300 5720; SĐT: 0965 345 876)	TDP Đồng Tiến, phường Bách Quang	162,4	261.654.800		1.297.000	40.521.600	23.604.000				1.124.000	20.562.000	348.763.400
2	Nguyễn Văn Hải (SDD: 0190 9300 3482; SĐT: 0357 889 938)	TDP Đồng Tiến, phường Bách Quang	224,0	266.398.000		5.753.000	20.260.800	36.540.000				1.740.000	20.870.000	351.561.800
3	Lê Thị Hà (SDD: 0191 7800 1710; SĐT: 0985 845 170) - Ngô Minh Phương	TDP Xuân Miếu 2, phường Sông Công	80,0	2.001.600.000		433.770.900	-	-	55.600.000			-	20.000.000	2.510.970.900
4	Đình Thế Tâm (SDD:)	TDP Xuân Miếu 1, phường Sông Công	80,0	2.001.600.000		344.319.300	-	-				-	20.000.000	2.365.919.300
5	Nguyễn Thị Nguyễn (Người được ủy quyền theo quy định của pháp luật của Phạm Thị Nguyễn Bình) (SDD: 0191 6400 1398)	TDP 12, phường Sông Công	11,4	285.228.000		625.343.300	-	-				-	20.000.000	930.571.300
6	Trịnh Ngọc Năng (SDD: 019054000649 - Nguyễn Thị Hiền (SDD: 019162001319; SĐT: 0358232896)	TDP 12, phường Sông Công	686,0	2.622.022.000		779.397.740	-	60.060.000				2.860.000	21.430.000	3.485.769.740
7	Trịnh Xuân Sơn (người quản lý di sản chưa được phân chia thừa kế) (SDD: 019072014404)	TDP Xuân Miếu 1, phường Cái Đan	1.909,5	3.037.381.500		-	18.572.400	306.495.000				14.595.000	27.297.500	3.404.341.400
8	Đình Quang Bình (SDD: 019057000852; SĐT: 0382728655) - Dương Thị An	TDP 12, phường Sông Công	80,0	2.001.600.000		-	-	-				-	20.000.000	2.021.600.000
9	Dương Quang Thiện	TDP An Châu, phường Bá Xuyên	101,0	2.527.020.000		991.130.200	-	-	12.120.000			-	20.000.000	3.550.270.200

TT	Tên chủ sử dụng bất động sản (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Số thửa (Số ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Mảnh bản đồ trích lục	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Vị trí	Tài sản gắn liền với đất	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Bồi thường cây hàng năm		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm		Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh		Thưởng BGMB trước thời hạn		Tổng cộng (đồng)
										Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(7x10)	(12)	(13)=(7x12)	(14)	(15)=(7x14)	(16)	(17)=(7x16)	(18)	(19)=(7x18)	(20)=(11+13+15+17+19)	
6	Trịnh Ngọc Năng (SDD: 019054000649 - Nguyễn Thị Hiền (SDD: 019162001319; SĐT: 0358232896)	357 (89)		35(6) (63-1)	400,0	686,0	ODT	1	nhà cửa	2.622.022.000	0	0	0	60.060.000	0	2.860.000	21.430.000	2.706.372.000		
		357 (89)		35(6) (63-1)	769,9	286,0	CLN	1	cây cối	22.022.000	0	0	0	60.060.000	10.000	2.860.000	1.430.000	86.372.000		
7	Trịnh Xuân Sơn (người quản lý đi sản chưa được phân chia thừa kế) (SDD: 019072014404)	340 (87)		35(6) (63-1)	450,0	1.909,5	ODT	1		3.037.381.500	0	0	0	306.495.000	0	14.595.000	27.297.500	3.385.769.000		
		340 (87)		35(6) (63-1)	902,6	902,6	CLN	1	cây cối	69.500.200	0	0	0	189.546.000	10.000	9.026.000	4.513.000	2.945.000.000		
		315 (88)		35(6) (63-1)	556,9	556,9	CLN	1	cây cối	42.881.300	0	0	0	116.949.000	10.000	5.569.000	2.784.500	168.183.800		
8	Đình Quang Bình (SDD: 019057000852; SĐT: 0382728655) - Dương Thị An				86,5	80,0				2.001.600.000	0	0	0	0	0	0	20.000.000	2.021.600.000		
		362		35(6)	86,5	80,0	ODT	1		2.001.600.000	0	0	0	0	0	0	20.000.000	2.021.600.000		
9	Dương Quang Thiện				172,3	101,0				2.527.020.000	0	0	0	0	0	0	20.000.000	2.547.020.000		
		371		35(6)	85,7	21,0	ODT	1	nhà cửa	525.420.000	0	0	0	0	0	0	0	525.420.000		
		372		35(6)	86,6	80,0	ODT	1	nhà cửa	2.001.600.000	0	0	0	0	0	0	20.000.000	2.021.600.000		
TỔNG CỘNG:										15.004.504.300	0	0	0	426.699.000	20.319.000	190.159.500	15.641.681.800			

**2.1.2. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ HỖ TRỢ ỒN ĐỊNH ĐỜI SỐNG; HỖ TRỢ HỘ NGHÈO KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ SỐ 2, PHƯỜNG CÁI ĐAN (NAY THUỘC ĐỊA BÀN PHƯỜNG SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN) (ĐỢT Ô - ĐỢT 1)**
(Kèm theo Thông báo số 257/TB-CNTP/QĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)



STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân; số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (m ²)	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng trong phạm vi xã, phường nơi có đất thu hồi (m ²)	Hỗ trợ ổn định đời sống						Hỗ trợ hộ nghèo				Tổng cộng (đồng)	Ghi chú		
					Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ bằng tiền 30Kg gạo (đồng/khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (m ²)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ (đồng/khẩu/ tháng)			Thành tiền (đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(7x8x9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(13x14x15)	(17)=(10+16)	(18)	
1	Đỗ Trọng Tuấn (SDD: 0190 9300 5720; SĐT: 0965 345 876)	TDP Đông Tiến, phường Bạch Quang	112,4	112,4	100,00%	6	12	562.800	40.521.600							40.521.600		
2	Nguyễn Văn Hải (SDD: 0190 7800 1710; SĐT: 0357 889 938)	TDP Đông Tiến, phường Bạch Quang	174,0	174,0	100,00%	3	12	562.800	20.260.800							20.260.800		
3	Lê Thị Hà (SDD: 0191 7800 1710; SĐT: 0985 845 170) - Ngô Minh Phương	TDP Xuân Miếu 2, phường Sông Công																
4	Đình Thế Tâm (SDD:)	TDP Xuân Miếu 1, phường Sông Công																
5	Nguyễn Thị Nguyễn (Người được ủy quyền theo quy định của pháp luật của Phạm Thị Nguyễn Bình) (SDD: 0191 6400 1398)	TDP 12, phường Sông Công																
6	Trình Ngọc Năng (SDD: 019054000649 - Nguyễn Thị Hiền (SDD: 019162001319; SĐT: 0358232896)	TDP 12, phường Sông Công	286,0	3.763,8	7,60%													
7	Trình Xuân Sơn (người quản lý di sản chưa được phân chia thừa kế) (SDD: 019072014404)	TDP Xuân Miếu 1, phường Cái Đan	1.459,5	4.070,9	35,85%	11	3	562.800	18.572.400							18.572.400		

STT	Tên chủ sử dụng M (Số định danh cá nhân; Số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (m ²)	Hỗ trợ ổn định đời sống						Hỗ trợ hộ nghèo						Tổng cộng (đồng)	Chi chú
				Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng trong phạm vi xã, phường nơi có đất thu hồi (m ²)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ bằng tiền 30Kg gạo tê (đồng/khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (m ²)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ (đồng/khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(7x8x9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(13x14x15)	(17)=(10+16)	(18)
8	Đình Quang Bình (SDD: 019057000852; SĐT: 0382728655) - Dương Thị An	TDP 12, phường Sông Công															
9	Dương Quang Thiện	TDP An Châu, phường Bà Xuyên															
TỔNG CỘNG:			2.031,9	8.121,1		20			79.354.800							79.354.800	

**2.1.4. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ HỖ TRỢ THUẾ NHÀ, THUẾ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, HỖ TRỢ GIA ĐÌNH CHÍNH SÁCH
 CHƯA AN: KHU ĐÔ THỊ SỐ 2, PHƯỜNG CÁI ĐAN (NAY THUỘC ĐỊA BÀN PHƯỜNG SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN) (ĐỢT Ồ - ĐỢT 1)
 (Kèm theo Thông báo số 257/TB-CNTPPTQĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)**



Tên chủ sự dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Hỗ trợ thuế nhà, thuế địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản										Hỗ trợ gia đình chính sách			Ghi chú	
		Hỗ trợ thuế nhà				Hỗ trợ thuế địa điểm kinh doanh				Hỗ trợ di chuyển tài sản (đồng)	Tổng (đồng)	Đổi tương chính sách	Thành tiền (đồng)	Tổng cộng (đồng)		
		Số nhân khẩu trong hộ (khẩu)	Đơn giá (đồng/hộ/tháng)	Thời gian hỗ trợ (tháng)	Thành tiền (đồng)	Diện tích nhà, xưởng (m ²)	Đơn giá (đồng/m ² /tháng)	Thời gian hỗ trợ (tháng)	Thành tiền (đồng)							
(4)	(5)	(6)	(7)=(5x6)	(8)	(9)	(10)	(11)=(8x9x10)	(12)	(13)=(7+11+12)	(14)	(15)	(16)=(13+15)	(17)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5x6)	(8)	(9)	(10)	(11)=(8x9x10)	(12)	(13)=(7+11+12)	(14)	(15)	(16)=(13+15)	(17)
Lê Thị Hà (SDD: 0191 7800 1710; SĐT: 0985 845 170) - Ngô Minh Phương	TDP Đông Tiến, phường Bách Quang		4	6.000.000	6	36.000.000	80,0	20.000	6	9.600.000	10.000.000	55.600.000			55.600.000	Di chuyển chỗ ở
4	Dương Quang Thiện	TDP Xuân Miếu 1, phường Sông Công	4				101,0	20.000	6	12.120.000		12.120.000			12.120.000	
TỔNG CỘNG:			4			36.000.000	80			9.600.000	10.000.000	55.600.000			55.600.000	

2.2. PHƯƠNG ÁN TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ SỐ 2, PHƯỜNG CÁI ĐAN (NAY THUỘC ĐỊA BÀN PHƯỜNG SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN) (ĐỢT Ồ - ĐỢT 1)
 theo Thông báo số 257 /TB-CNTTPTQĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Vị trí	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Đủ điều kiện tách hộ thành hộ (hộ)	Bố trí tái định cư					Hỗ trợ tái định cư (Hỗ trợ tiền để được giao một suất tái định cư tối thiểu)			
							Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)		Địa điểm	Lô số	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Suất TĐC tối thiểu (m ²)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5x7)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(13x14)	(16)	(17)=(14x16)	(18)=(17-9)	
1	Đỗ Trọng Tuấn (SDD: 0190 9300 5720; SĐT: 0965 345 876)			50,0				253.000.000				80,0		0	0,0	0	0	0
2	Nguyễn Văn Hải (SDD: 0190 9300 3482; SĐT: 0357 889 938)	640 (49)	35(6) (49-IV)	50,0	ODT	1	5.060.000	253.000.000		Khu đô thị số 2, phường Cái Đan (nay thuộc địa bàn phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên)		80,0	Theo quy định tại bảng giá	0	0,0	0	0	0
3	Lê Thị Hà (SDD: 0191 7800 1710; SĐT: 0985 845 170) - Ngô Minh Phương			80,0				2.001.600.000				160,0		0	0,0	0	0	0
4	Đình Thế Tâm (SDD:)			80,0				2.001.600.000				80,0	Theo quy định tại bảng giá	0	0,0	0	0	0
		364	35(6)	80,0	ODT	1	25.020.000	2.001.600.000		Khu đô thị số 2, phường Cái Đan (nay thuộc địa bàn phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên)		80,0	Theo quy định tại bảng giá	0	0,0	0	0	0

5	Trịnh Ngọc Nàng (SDD: 01905400649+ Nguyễn Thị Hiền Tâm (SDD: 019162001319+ SĐT: 0358232896)	357 (89)	35(6) (63-1)	400,0	ODT	1	6.500.000	2.600.000.000	Khu đô thị số 2, phường Cải Đan (nay thuộc địa bàn phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên)	250,0	Theo quy định tại bảng giá	0	0,0	0	0
6	Trịnh Xuân Sơn (người quản lý di sản chưa được phân chia thừa kế) (SDD: 019072014404)	340 (87)	35(6) (63-1)	450,0	ODT	1	6.500.000	2.925.000.000	Khu đô thị số 2, phường Cải Đan (nay thuộc địa bàn phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên)	250,0	Theo quy định tại bảng giá	0	0,0	0	0
7	Đình Quang Bình (SDD: 019057000852; SĐT: 0382728655) - Đương Thị An	362	35(6)	80,0	ODT	1	25.020.000	2.001.600.000	Khu đô thị số 2, phường Cải Đan (nay thuộc địa bàn phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên)	80,0	Theo quy định tại bảng giá	0	0,0	0	0
8	Dương Quang Thiện	371	35(6)	101,0	ODT	1	25.020.000	2.527.020.000	Khu đô thị số 2, phường Cải Đan (nay thuộc địa bàn phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên)	100,0	Theo quy định tại bảng giá	0	0,0	0	0
		372	35(6)	80,0	ODT	1	25.020.000	2.001.600.000		0		0		0	0
TỔNG CỘNG:				1.291,0			0,0	14.562.820.000		1.080,0		0	0,0	0	0